

Số: 10/2018/TT-BTTTT

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2018

THÔNG TƯ
Quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Thông tin và Truyền thông

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 17/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Nghị định số 85/2017/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn của hệ thống tổ chức thống kê tập trung và thống kê bộ, ngành;

Căn cứ Nghị định số 60/2018/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê cấp quốc gia;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định chế độ báo cáo thống kê ngành Thông tin và Truyền thông.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết nội dung chế độ báo cáo thống kê ngành Thông tin và Truyền thông để thu thập thông tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thông tin và Truyền thông và chỉ tiêu thống kê quốc gia thuộc lĩnh vực thông tin và truyền thông.

2. Đối tượng áp dụng

Chế độ báo cáo thống kê ngành Thông tin và Truyền thông áp dụng đối với các đơn vị trực thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông; Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tổ chức, doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thông tin và truyền thông.

Điều 2. Nội dung chế độ báo cáo thống kê

1. Các biểu mẫu báo cáo và giải thích biểu mẫu tại các phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, gồm:

- a) Phụ lục 1 - Lĩnh vực bưu chính;
- b) Phụ lục 2 - Lĩnh vực viễn thông, Internet;
- c) Phụ lục 3 - Lĩnh vực tần số vô tuyến điện;
- d) Phụ lục 4 - Lĩnh vực xuất bản, in và phát hành;
- đ) Phụ lục 5 - Lĩnh vực báo chí, phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử;
- e) Phụ lục 6 - Lĩnh vực thông tin đối ngoại;
- g) Phụ lục 7 - Lĩnh vực thông tin cơ sở.

2. Đơn vị báo cáo

Đơn vị báo cáo là đối tượng áp dụng chế độ báo cáo thống kê, được quy định cụ thể tại biểu mẫu báo cáo trong các phụ lục. Đơn vị báo cáo được ghi tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê. Cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm báo cáo ghi tên cơ quan, đơn vị vào vị trí này.

3. Đơn vị nhận báo cáo

Đơn vị nhận báo cáo được quy định cụ thể tại biểu mẫu báo cáo trong các phụ lục. Đơn vị nhận báo cáo được ghi cụ thể phía trên bên phải, dưới dòng đơn vị báo cáo của từng biểu mẫu.

4. Kỳ báo cáo thống kê

a) Báo cáo thống kê tháng được tính bắt đầu từ ngày 01 của tháng cho đến hết ngày cuối cùng của tháng;

b) Báo cáo thống kê quý được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng đầu tiên của quý cho đến hết ngày cuối cùng quý báo cáo đó;

c) Báo cáo thống kê 6 tháng được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 cho đến hết ngày 30 tháng 6;

d) Báo cáo thống kê năm được tính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm.

5. Thời hạn nhận báo cáo

Thời hạn nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng biểu mẫu thống kê.